

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN ĐẠI HỌC QUẢN LÝ CÔNG VÀ CHÍNH SÁCH BẰNG TIẾNG ANH
PHIÊN BẢN 2019 (E-PMP)

*(Kèm theo Quyết định số 2953/QĐ-ĐHKTQD ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngành đào tạo: Kinh tế; **Mã ngành:** 7310101

Chương trình đào tạo: Cử nhân đại học Quản lý công và Chính sách bằng tiếng Anh

2. Tên văn bằng: Cử nhân Kinh tế (E-PMP), hình thức đào tạo chính quy, học bằng Tiếng Anh

3. Cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ngày 08/9/2017, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã được nhận Giấy chứng nhận Kiểm định Chất lượng giáo dục trường đại học do Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội đánh giá, theo đó chứng nhận Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đạt Tiêu chuẩn Chất lượng Giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. Cơ sở tổ chức giảng dạy: Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình

Chương trình được xây dựng và điều chỉnh định kỳ dựa trên những căn cứ sau:

- Luật Giáo dục đại học;
- Các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng chương trình đào tạo;
- Chương trình đào tạo cử nhân đại học Chính sách công của Đại học bang Georgia (Georgia State University) và Đại học quốc gia Úc (Australia National University) để tham chiếu;
- Nhu cầu nguồn nhân lực làm việc trong khu vực công ở Việt Nam (kết quả điều tra và phỏng vấn sâu các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận và các phụ huynh của học sinh đang học lớp 11, 12);
- Kết quả phỏng vấn giảng viên, cựu sinh viên và người học.

6. Tiêu chí tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Quy mô tuyển sinh dự kiến: 80 chỉ tiêu/năm

7. Thời gian đào tạo

Tổ chức đào tạo theo tín chỉ, thời gian thiết kế là 4 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia thành 8 học kỳ chính và 1 học kỳ phụ. Năm học thứ nhất Chương trình tổ chức 2 học kỳ chính và 1 học kỳ phụ, các năm tiếp theo, mỗi năm gồm 2 học kỳ chính. Học kỳ chính bao gồm 12 tuần học, 3 tuần dự trữ và thi hết học phần. Học kỳ phụ bao gồm 5 tuần học và 1 tuần thi.

Ngoài ra, Chương trình có tổ chức các hoạt động kiến tập, ngoại khóa vào giữa các học kỳ theo kế hoạch được xây dựng hàng năm.

Tuần lễ định hướng dành cho sinh viên năm thứ nhất được bố trí vào tuần đầu khóa học thông qua hình thức tổ chức tọa đàm định hướng nghề quản lý, học tập chính trị đầu khóa, hoạt động ngoại khóa “hứng khởi nhập trường”, khóa học kỹ năng mềm về phương pháp học tập nhằm giới thiệu và chuẩn bị cho các em những hành trang cần thiết để trở thành sinh viên của Chương trình E-PMP.

Thời gian tối đa hoàn thành chương trình là 6 năm. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

8. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành toàn bộ các học phần, bảo vệ luận văn và các môn bổ trợ, cụ thể như sau:

Bảng 1: Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

9. Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

STT	Các điều kiện	Thực hiện
1	Kết quả học tập chuyên môn	Tích lũy đủ số học phần trong chương trình Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên
2	Điều kiện đạo đức	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập
3	Điều kiện tiếng Anh	Đạt IELTS ≥ 6.0 hoặc tương đương
4	Điều kiện tin học	Đạt chứng nhận cơ bản về MOS hoặc IC3, ICDL
5	Điều kiện giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, sinh hoạt công dân và kết quả rèn luyện	Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất; Hoàn thành tuần sinh hoạt công dân, đánh giá kết quả rèn luyện người học
6	Các môn kỹ năng mềm	Hoàn thành các học phần kỹ năng mềm theo quy định của Chương trình
7	Điều kiện học phí	Hoàn thành nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định của Trường
9	Các điều kiện khác	Có đơn đề nghị gửi nhà trường được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình cử nhân đại học Quản lý công và Chính sách bằng tiếng Anh có lợi thế lớn để trở thành:

- Cán bộ trong các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, các tổ chức phi lợi nhuận trong nước và quốc tế;
- Nhà nghiên cứu trong các viện nghiên cứu hay giảng viên trong các trường đại học và cao đẳng;
- Tư vấn viên trong các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế;

- Cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp (ở các bộ phận chức năng với tư cách là các chuyên gia tư vấn chính sách cho doanh nghiệp).

10. Cơ hội tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn

- Chương trình được thiết kế nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có thể chuyển sang học các chương trình đào tạo mang tính quốc tế trong và ngoài nước;

- Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý công và Chính sách bằng tiếng Anh sinh viên có thể theo học các chương trình đào tạo thạc sỹ bằng tiếng Việt, bằng tiếng Anh của Trường Kinh tế quốc dân hay đi du học ở các nước phát triển;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp Chương trình có khả năng tự học tập, nghiên cứu sâu rộng các chuyên ngành hẹp của quản lý công và chính sách như quản lý y tế, quản lý giáo dục, quản lý công nghệ, phân tích chính sách .v.v .

PHẦN II: MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, PHƯƠNG PHÁP HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, MA TRẬN KỸ NĂNG

1. Mục tiêu

Chương trình đào tạo Cử nhân Đại học Quản lý công và Chính sách bằng tiếng Anh (E-PMP) nhằm đào tạo cử nhân trình độ đại học về Quản lý công và Chính sách: (1) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm với bản thân, tổ chức và có trách nhiệm với xã hội; (2) nắm vững kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, xã hội, an ninh, quốc phòng và kiến thức nền tảng về kinh tế; (3) nắm vững kiến thức chuyên sâu về quản lý, quản lý tổ chức công, quản lý công và chính sách công; (4) thực hành tốt kỹ năng nghề nghiệp cần thiết theo nhu cầu thị trường lao động trong lĩnh vực quản lý, quản lý công; (5) đặc biệt có khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp và soạn thảo văn bản, tài liệu chuyên ngành Quản lý công và Chính sách cùng với kỹ năng mềm cần thiết để phát triển nghề nghiệp tương lai.

Objectives

Graduating from the bachelor program in Public Management and Policy in English (E-PMP), students will: (1) obtain both political & ethical qualities, achieve good health, and learn about self-responsibility & social responsibility; (2) master basic knowledge about politics, law, society, security, national defense and general economics; (3) be equipped with in-depth knowledge of management, public organizational management, public management and public policy; (4) have good practice of necessary occupational skills responding to the needs of the labor market in the field of public administration and

management; (5) be able to use English fluently in communicating and editing specialized documents of public management and policy fields, as well as soft skills necessary to develop future careers.

2. Chuẩn đầu ra

Bảng 2: Chuẩn đầu ra của Chương trình E-PMP

STT	MÃ	Chuẩn đầu ra	Mức độ
I		KIẾN THỨC	
1.	KT 1	Vận dụng được kiến thức pháp luật, chính trị, kinh tế, xã hội vào phân tích các vấn đề liên quan đến khu vực công	3/6
2.	KT 2	Vận dụng được kiến thức toán kinh tế, thống kê, tin học, kinh tế học, kế toán công, tài chính công, marketing công, nhân lực công vào mô tả, giải thích, phân tích tổ chức, tổ chức công và khu vực công	3/6
3.	KT 3	Vận dụng được kiến thức quản lý công, quản lý lĩnh vực công, quản lý tổ chức công, quản lý dịch vụ công, quản lý chương trình, dự án công trong phân tích thực tiễn quản lý công, quản lý tổ chức và tổ chức công	3/6
4.	KT 4	Vận dụng được kiến thức về chính sách công vào phân tích, đánh giá, phản biện chính sách công	3/6
5.	KT 5	Vận dụng được các kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất trong rèn luyện bản thân	3/6
II		KỸ NĂNG	
6.	KN 1	Có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề trong các tổ chức, tổ chức công; thực hiện quy trình lập kế hoạch của tổ chức, tổ chức công; quy trình kiểm soát tài chính, nhân lực, marketing trong các tổ chức và tổ chức công	3/6
7.	KN 2	Có kỹ năng xác định và triển khai phương án bố trí, điều phối nguồn lực cho thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án của tổ chức và tổ chức công	3/6
8.	KN 3	Có kỹ năng vận dụng các công cụ phân tích chính sách trong phân tích chính sách công, viết báo cáo phân tích chính sách công	3/6
9.	KN 4	Có kỹ năng truyền thông, đàm phán, giải quyết mâu thuẫn, xung đột trong công việc của bản thân/nhóm/bộ phận/tổ chức; có kỹ năng tư duy và phản biện; khả năng thích nghi trong làm việc nhóm; thành thạo trong viết CV và trả lời phỏng vấn	4/6
10.	KN 5	Kỹ năng ngoại ngữ: sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo Tiếng Anh (có chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên hoặc tương đương)	4/6

11.	KN 6	Kỹ năng tin học: sinh viên sau khi tốt nghiệp có kỹ năng cơ bản trong các sản phẩm Microsoft Office: Word, Excel, PowerPoint (đạt chứng nhận cơ bản về MOS hoặc IC3, ICDL)	3/6
III		MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
12.	NLTC1	Trở thành công dân toàn cầu, tuân thủ pháp luật, nguyên tắc đạo đức cá nhân, tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp	4/6
13.	NLTC2	Tự học hỏi phục vụ cho công việc nhằm tạo năng lực làm việc suốt đời; có tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ trong công việc; chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân	4/6

3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng, phù hợp nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp nhằm đạt được chuẩn đầu ra, với phương châm học tập suốt đời.

Bảng 3: Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập của Chương trình E-PMP

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích
Phương pháp dạy:	
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các môn học một cách khoa học, logic
Xêmina (Thảo luận trên lớp, Thảo luận nhóm, Thuyết trình)	Thông qua việc trao đổi, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên, giữa các sinh viên để làm rõ nội dung kiến thức trong môn học. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng môn học
Nghiên cứu tình huống	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể
Nghiên cứu khoa học	Giúp sinh viên phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực tự học, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn

Phương pháp học:	
Học trên lớp	Giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và trực tiếp trao đổi, thảo luận với giảng viên/nhóm
Học ở nhà (Tự học / nghiên cứu trước tài liệu ở nhà)	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu
Học theo hình thức blended learning	Giúp sinh viên tiếp cận và ứng dụng công nghệ trong học tập. Cung cấp cho sinh viên các hoạt động học tập đa dạng, tích hợp nhiều công cụ đánh giá sinh viên trên nền tảng công nghệ.
Học cá nhân (Tự học / cứu trước tài liệu ở nhà, làm bài tập cá nhân)	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực học tập suốt đời
Học nhóm (Thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm)	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế
Học lý thuyết	Cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức cơ bản, hiểu được cái khái niệm từ đó nắm được bản chất sự vật/hiện tượng để vận dụng trong giải quyết các vấn đề thực tế
Học theo dự án	Giúp sinh viên có cơ hội vận dụng lý thuyết với thực tế; rèn luyện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn; phát triển năng lực sáng tạo, phối hợp làm việc, tự đánh giá.
Kiến tập, đi thực tập, thực tế, thực hành	Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào công việc cụ thể, tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị. Qua đó sinh viên có thể so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn

4. Phương pháp đánh giá

4.1. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, năm học, khóa học qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

- Điểm trung bình chung học kỳ, năm học là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ, năm học đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

- Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học.

4.2. Đánh giá học phần

a. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

- Điểm chuyên cần có trọng số 10% đánh giá nhận thức, thái độ và tính chuyên cần trong quá trình học của sinh viên.

- Điểm kiểm tra giữa kỳ có tổng trọng số 20% hoặc 30% hoặc 40%, mỗi học phần có từ 01 đến 02 đầu điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm thi kết thúc học phần có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên và Chương trình đề xuất và Hiệu trưởng phê duyệt trong Đề cương chi tiết học phần.

b. Đối với học phần thực hành/kỹ năng: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành/buổi học để đạt yêu cầu, các học phần này không tính điểm.

c. Giảng viên giảng dạy trực tiếp chấm điểm chuyên cần, ra đề và chấm bài kiểm tra và công bố điểm công khai với lớp trong buổi học cuối cùng của học phần.

d. Chương trình E-PMP sử dụng phần mềm Turnitin trong đánh giá bài tập, bài kiểm tra, đề án môn học và luận văn tốt nghiệp nhằm đảm bảo sự trung thực trong học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học.

4.3. Mối quan hệ giữa phương pháp/hoạt động dạy, học, đánh giá và chuẩn đầu ra

Các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá	Chuẩn đầu ra												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Phương pháp dạy													
Thuyết giảng	*	*	*	*	*								
Xêmina (vd: Thảo luận trên lớp, Thảo luận nhóm, Thuyết trình)	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	X
Nghiên cứu tình huống	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*		*	X
Nghiên cứu khoa học	*	*	*	*	*	*	*	*	*			*	X
Phương pháp học													
Học trên lớp	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	X
Học ở nhà (Vd: Tự học / nghiên cứu trước tài liệu ở nhà)	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	X
Học theo hình thức blended learning	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	X
Học cá nhân (vd: Tự học / nghiên cứu trước tài liệu ở nhà, làm bài tập cá nhân)	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	X
Học nhóm (vd: thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm)	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*		X
Học lý thuyết	*	*	*	*	*								
Học theo dự án	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	X
Kiến tập, đi thực tập, thực tế, thực hành	*	*	*	*	*	*	*	*	*			*	X
Phương pháp/hoạt động đánh giá học phần													
Điểm danh sự có mặt của sinh viên tại buổi học												X	X
Quan sát, đánh giá mức độ chuẩn bị bài tại nhà của sinh viên	*	*	*		*	*	*	*	*	*	*	X	X
Quan sát, đánh giá mức độ tham gia của sinh viên tại buổi học (lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi)	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	X	X
Bài quiz, bài tập, bài kiểm tra, bài thi cá nhân trên lớp có sử dụng tài liệu	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	X
Bài quiz, bài tập, bài kiểm tra, bài thi cá nhân trên lớp không sử dụng tài liệu	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	X	X
Bài quiz, bài tập, bài kiểm tra cá nhân thực hiện ở nhà nộp bài khi đến lớp	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	X
Bài thuyết trình cá nhân	*	*	*	*	*	*	*	*	X	*	X	*	X
Bài thuyết trình nhóm	*	*	*	*	*	*	*	*	X	*	X	*	X
Đề án môn học	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	X
Đánh giá kết quả rèn luyện												X	X
Đánh giá thực tập tốt nghiệp													
Nội dung chuyên đề tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài thuyết trình, bảo vệ tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

*: Đo lường mức độ đạt CDR phụ thuộc chuẩn đầu ra từng môn học cụ thể có hoạt động/phương pháp đánh giá

X: Đo lường mức độ đạt CDR trong tất cả các môn học có hoạt động/phương pháp đánh giá

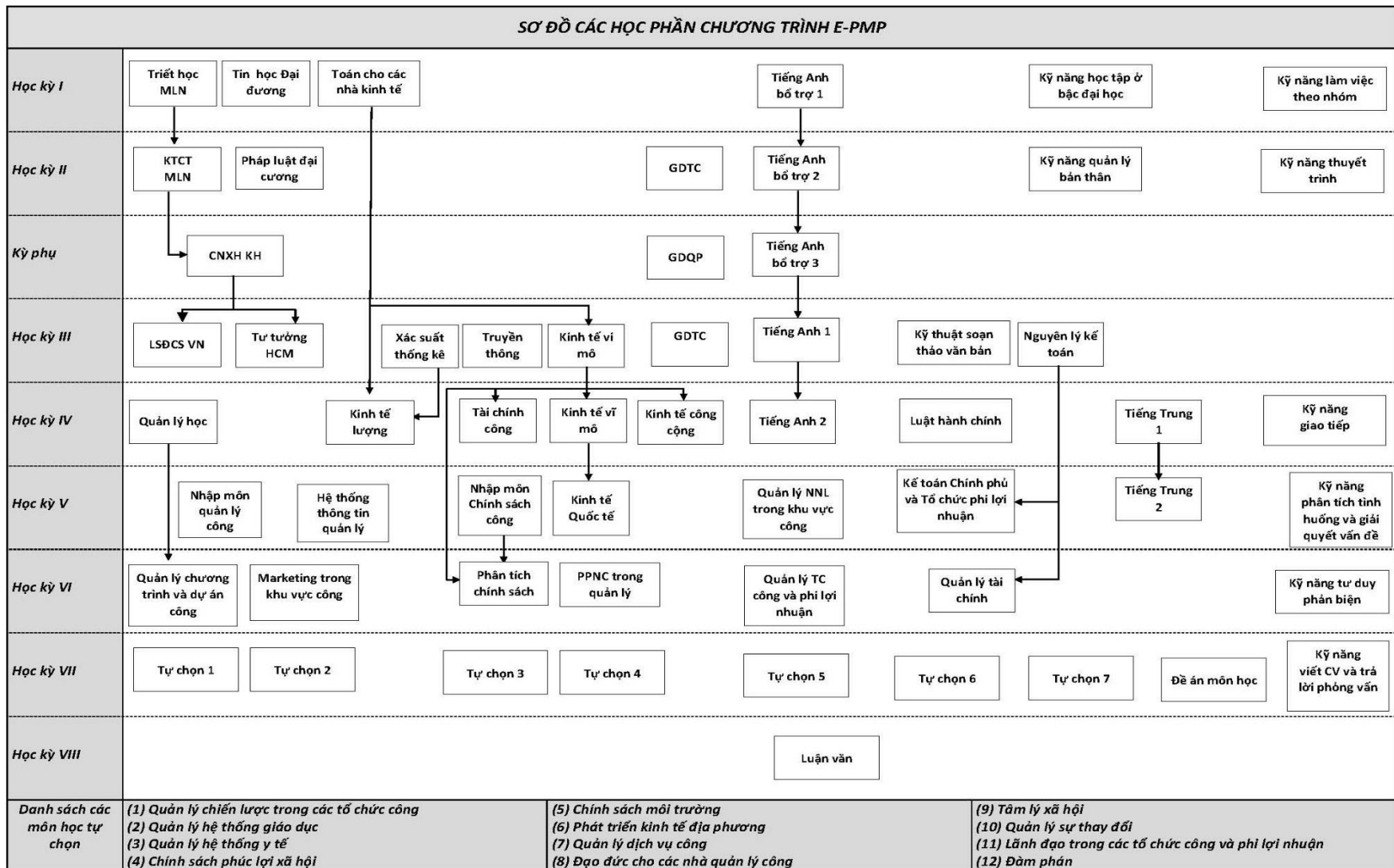
5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số khối lượng kiến thức ghi trên bảng điểm là 131 tín chỉ (không kể các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và các học phần bổ trợ khác).

Bảng 4: Khối lượng kiến thức của Chương trình E-PMP

STT	Nội dung	Số tín chỉ
I	Kiến thức đại cương	47
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	74
II.1	Kiến thức cơ sở	30
II.2	Kiến thức chuyên ngành	44
	Phần bắt buộc	23
	Phần tự chọn	21
II.3	Khóa luận tốt nghiệp	10
Tổng tín chỉ ghi trên bảng điểm		131
III	Kiến thức bổ trợ	
	Tiếng Anh bổ trợ	33
	Kỹ năng học tập ở bậc đại học	2
	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2
	Kỹ năng tư duy phản biện	2
	Kỹ năng quản lý bản thân	2
	Kỹ năng phân tích tình huống và giải quyết vấn đề	2
	Kỹ năng giao tiếp	2
	Kỹ năng thuyết trình	2
	Kỹ năng viết CV và trả lời phỏng vấn	2
	Tiếng Trung	7
IV	Giáo dục quốc phòng	11
V	Giáo dục thể chất	4

6. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo



7. Kế hoạch giảng dạy theo từng học kỳ

TT	Học phần/Course	Tín chỉ/ Credit	BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ								Ngôn ngữ giảng dạy/ Teaching Language		
			K1	K2	Kỳ phụ	K3	K4	K5	K6	K 7		K8	
	Tổng số tín chỉ/Total Credit	131											
I	Kiến thức giáo dục đại cương/ General Education	47											
1	Triết học Mác Lênin/ Philosophy of Marxism and Leninism	3	3										Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin/ Political Economics of Marxism and Leninism	2		2									Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	2			2								Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Ideology	2				2							Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ Vietnam Communist Party History	2				2							Tiếng Việt
6	Tiếng Anh/English	9				5	4						Tiếng Anh
7	Toán cho các nhà kinh tế/ Mathematics for Economics	3	3										Tiếng Anh
8	Xác suất thống kê/ Probability & Statistics	3				3							Tiếng Anh
9	Tin học đại cương/Basic Informatics	3	3										Tiếng Anh
10	Pháp luật đại cương/ Fundamentals of Law	3		3									Tiếng Anh
11	Kinh tế học vi mô/Microeconomics	3				3							Tiếng Anh
12	Kinh tế học vĩ mô/Macroeconomics	3					3						Tiếng Anh
13	Quản lý học/Essentials of Management	3					3						Tiếng Anh
14	Kỹ thuật soạn thảo văn bản/ Technical Writing	3				3							Tiếng Anh
15	Truyền thông/ Fundamentals of Communication	3				3							Tiếng Anh
	Giáo dục thể chất/ Physical Education	4		2		2							Tiếng Việt
	Giáo dục quốc phòng và an ninh/Military Education	11			11								Tiếng Việt

TT	Học phần/Course	Tín chỉ/ Credit	BỘ TRÍ CÁC HỌC KỲ								Ngôn ngữ giảng dạy/ Teaching Language	
			K1	K2	Kỳ phụ	K3	K4	K5	K6	K 7		K8
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp/ Professional Education	74										
II.1	Kiến thức cơ sở/ Basic knowledge	30										
1	Kinh tế lượng/Econometrics	3					3					Tiếng Anh
2	Kinh tế công cộng/Public Economics	3					3					Tiếng Anh
3	Nguyên lý kế toán/Accounting Principles	3				3						Tiếng Anh
4	Tài chính công/Public Finance	3					3					Tiếng Anh
5	Marketing trong khu vực công/ Marketing in Public Sector	3							3			Tiếng Anh
6	Kinh tế quốc tế/International Economics	3						3				Tiếng Anh
7	Kế toán chính phủ và tổ chức phi lợi nhuận/Accounting for governmental and non-profit entities	3						3				Tiếng Anh
8	Luật hành chính/Administrative Law	3					3					Tiếng Anh
9	PPNC trong quản lý công/Research Methods in Public Management	3							3			Tiếng Anh
10	Hệ thống thông tin quản lý/ Management Information System	3						3				Tiếng Anh
II.2.	Kiến thức của chuyên ngành/Major's knowledge	44										
II.2.1	Bắt buộc	23										
1	Nhập môn Quản lý công/ Introduction to Public Administration	3						3				Tiếng Anh
2	Nhập môn chính sách công/ Introduction to Public Policy	3						3				Tiếng Anh
3	Phân tích chính sách công/ Public Policy Analysis	3							3			Tiếng Anh
4	Quản lý chương trình và dự án công/	3							3			Tiếng Anh

TT	Học phần/Course	Tín chỉ/ Credit	BỘ TRÍ CÁC HỌC KỲ								Ngôn ngữ giảng dạy/ Teaching Language	
			K1	K2	Kỳ phụ	K3	K4	K5	K6	K 7		K8
	Public Program and Project Management											
5	Quản lý tổ chức công và phi lợi nhuận/ Public and non-profit Organization Management	3							3			Tiếng Anh
6	Quản lý nguồn nhân lực trong khu vực công/Human Resource Management in Public Sector	3						3				Tiếng Anh
7	Quản lý tài chính/Financial Management	3							3			Tiếng Anh
8	Đề án môn học/Major Project	2								2		Tiếng Anh
<i>II.2.2</i>	<i>Tự chọn/Chọn 7 trong 12 môn</i>	<i>21</i>										
1	Quản lý chiến lược trong các tổ chức công/Strategic Management in Public Organizations	3								3		Tiếng Anh
2	Quản lý hệ thống giáo dục/ Education System Management	3								3		Tiếng Anh
3	Quản lý hệ thống y tế/ Healthcare System Management	3								3		Tiếng Anh
4	Chính sách phúc lợi xã hội/ Social Welfare Policy	3								3		Tiếng Anh
5	Chính sách môi trường/ Environmental Policy	3								3		Tiếng Anh
6	Phát triển kinh tế địa phương/ Local Economic Development	3								3		Tiếng Anh
7	Quản lý dịch vụ công/ Public Services Management	3								3		Tiếng Anh
8	Đạo đức cho các nhà quản lý công/ Ethics for Public Administrators	3								3		Tiếng Anh
9	Tâm lý xã hội/Social Psychology	3								3		Tiếng Anh
10	Quản lý sự thay đổi/Change Management	3								3		Tiếng Anh
11	Lãnh đạo trong các tổ chức công và phi lợi nhuận/Leaderships in Public and Nonprofit Organizations	3								3		Tiếng Anh
12	Đàm phán/Negotiation	3								3		Tiếng Anh

TT	Học phần/Course	Tin chỉ/ Credit	BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ								Ngôn ngữ giảng dạy/ Teaching Language		
			K1	K2	Kỳ phụ	K3	K4	K5	K6	K 7		K8	
III	Luận văn/Thesis	10										10	Tiếng Anh
IV	Các học phần bổ trợ khác/Supporting Trainings (*)												
1	Tiếng Anh bổ trợ/General English	33	12	12	9								Tiếng Anh
2	Kỹ năng học tập ở bậc đại học/ Study Skills in Higher Education	2	2										Tiếng Anh & Tiếng Việt
3	Kỹ năng làm việc theo nhóm/Teambuilding Skills	2	2										Tiếng Anh & Tiếng Việt
4	Kỹ năng tư duy phản biện/ Critical Thinking skills	2							2				Tiếng Anh & Tiếng Việt
5	Kỹ năng quản lý bản thân/ Self-Management Skills	2		2									Tiếng Anh & Tiếng Việt
6	Kỹ năng phân tích tình huống và giải quyết vấn đề/ Case Analyzing and Problem-Solving Skills	2						2					Tiếng Anh & Tiếng Việt
7	Kỹ năng giao tiếp/Communication Skills	2					2						Tiếng Anh & Tiếng Việt
8	Kỹ năng thuyết trình/Presentation Skills	2		2									Tiếng Anh & Tiếng Việt
9	Kỹ năng viết CV và trả lời phỏng vấn/CV writing and interview answering Skills	2								2			Tiếng Anh & Tiếng Việt
10	Tiếng Trung Chinese	7					3	4					Tiếng Trung

8. Ma trận kỹ năng

STT	Môn học/Học phần	CĐR													
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	NLTC1	NLTC2	
1	Triết học Mác Lênin	2								3				4	
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2								3				4	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2								3				4	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3								3			4		
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3								3				4	
6	Tiếng Anh 1										4		4		
7	Tiếng Anh 2										4		4		
8	Toán cho các nhà kinh tế		3				3				3			4	
9	Xác suất thống kê		3				3				3			4	
10	Tin học đại cương		3								3	3		4	
11	Pháp luật đại cương	3							2		3		4		
12	Kinh tế học vi mô		3				3				3			4	
13	Kinh tế học vĩ mô	3							3		3			4	
14	Quản lý học			2			3			4	3			4	
15	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2								4	3			4	
16	Truyền thông			3						4	3			4	
17	Lý thuyết chung và thể dục tự do					3				4				4	
18	Các môn thể thao tự chọn					3				4				4	
19	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3				3			2				4		
20	Kinh tế lượng		3						3		3			4	

STT	Môn học/Học phần	CDR													
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	NLTC1	NLTC2	
21	Kinh tế côngcộng			3					3		3			4	
22	Nguyên lý kế toán		2					3			3			4	
23	Tài chính công	3							3		3			4	
24	Marketing trong khu vực công	3								4	3			4	
25	Kinh tế quốc tế	3									3		4		
26	Kế toán chính phủ và tổ chức phi lợi nhuận		3				3				3			4	
27	Luật hành chính	3									3		4		
28	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý công				3				3		3			4	
29	Hệ thống thông tin quản lý		3								3	3		4	
30	Nhập môn Quản lý công	3		3			3				3			4	
31	Nhập môn chính sách công				3				3		3			4	
32	Phân tích chính sách công				3				3		3			4	
33	Quản lý chương trình và dự án công			3				3			3			4	
34	Quản lý tổ chức công và phi lợi nhuận			3			3				3			4	
35	Quản lý nguồn nhân lực trong khu vực công		3	3			3	3			3			4	
36	Quản lý tài chính		3				3	3			3			4	
37	Đề án môn học		3	3			3				4			4	
38	Quản lý chiến lược trong các tổ chức công		3				3				3			4	
39	Quản lý hệ thống giáo dục			3			3				3			4	
40	Quản lý hệ thống y tế			3			3				3			4	
41	Chính sách phúc lợi xã hội				3				3		3			4	
42	Chính sách môi trường				3				3		3			4	

STT	Môn học/Học phần	CDR													
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	NLTC1	NLTC2	
43	Phát triển kinh tế địa phương	3							3		3			4	
44	Quản lý dịch vụ công			3			3				3			4	
45	Đạo đức cho các nhà quản lý công			3	3				3		3		4		
46	Tâm lý xã hội	3					3			4	3			4	
47	Quản lý sự thay đổi			3			3			4	3			4	
48	Lãnh đạo trong các tổ chức công và phi lợi nhuận			3						4	3		4		
49	Đàm phán			3						4	3		4		
50	Luận văn		3	3	3		3		3		4			4	
51	Tiếng Anh bổ trợ 1										2		4		
52	Tiếng Anh bổ trợ 2										2		4		
53	Tiếng Anh bổ trợ 3										3		4		
54	Kỹ năng học tập ở bậc đại học									3				4	
55	Kỹ năng làm việc theo nhóm									4				4	
56	Kỹ năng tư duy phân biện									4				4	
57	Kỹ năng quản lý bản thân									4				4	
58	Kỹ năng phân tích tình huống và giải quyết vấn đề						3			4				4	
59	Kỹ năng giao tiếp									4				4	
60	Kỹ năng thuyết trình									4				4	
61	Kỹ năng viết CV và trả lời phỏng vấn									4			4		
62	Tiếng Trung 1									2			3		
63	Tiếng Trung 2									3			4		

PHẦN III. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

Triết học Mác – Lênin là học phần 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại, cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn; Làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và thực tiễn cuộc sống của sinh viên sau này. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với sinh viên. Học phần tiên quyết là Triết học Mác – Lênin.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Nội dung học phần làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Học phần tiên quyết là Triết học Mác – Lênin và Kinh tế chính trị học Mác – Lênin.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác. Giúp sinh viên củng cố lập trường cách mạng, kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH; góp phần giáo dục đạo đức, tư cách, phẩm chất cách

mạng, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng. Học phần tiên quyết là Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị học Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này giúp sinh viên nâng cao nhận thức, hiểu biết về Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam đưa đến những thắng lợi, thành tựu có ý nghĩa lịch sử to lớn trong sự phát triển của lịch sử dân tộc. Qua học tập, nghiên cứu lịch sử Đảng để giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc, củng cố, bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, tự hào về Đảng và thế hệ trẻ gia nhập Đảng, tham gia xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, tiếp tục thực hiện sứ mệnh của Đảng lãnh đạo bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần tiên quyết là Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tiếng Anh là môn học gồm 2 học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Tiếng Anh 1 là học phần 5 tín chỉ, cung cấp những kiến thức nền tảng về ngôn ngữ giúp nâng cao trình độ tiếng Anh, ngoài ra còn cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về quản lý nói chung và quản lý công nói riêng trong tiếng Anh. Tiếng Anh 2 là học phần 4 tín chỉ, cung cấp những kiến thức về ngôn ngữ giúp nâng cao trình độ tiếng Anh, ngoài ra còn cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản và hiểu biết về quản lý nói chung và quản lý công nói riêng trong tiếng Anh.

Toán cho các nhà kinh tế là học phần 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này bao gồm hai phần là đại số tuyến tính và giải tích. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng toán học cần thiết để hiểu rõ hơn về các khóa học liên quan khác như kinh tế, tài chính, kế toán, v.v. Ngoài ra, kiến thức và kỹ năng cũng được sử dụng để giải quyết vấn đề và ra quyết định trong kinh doanh và quản lý. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có thể: hiểu rõ các khái niệm cơ bản trong đại số và giải tích; Hiểu rõ hơn về các khái niệm trong kinh tế và kinh doanh bằng cách sử dụng kiến thức toán học thu được; Biết cách sử dụng ma trận để giải quyết các vấn đề kinh tế với quy mô lớn; Biết cách sử dụng các khái niệm về đạo hàm và tích hợp để giải quyết các vấn đề bao gồm cả vấn đề tối ưu hóa cho việc ra quyết định.

Xác suất thống kê là học phần 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần giới thiệu về các khái niệm, công cụ và phương pháp thống kê thiết yếu cho sinh viên trong việc tìm ra và vận dụng các quy luật này trong cuộc sống và trong quyết định sản xuất kinh doanh. Trọng tâm của học phần hướng tới ý tưởng, lập luận, tư duy logic nhiều hơn là tính toán toán học. Học phần bao gồm hai mảng chính trong thống kê:

thống kê mô tả và thống kê suy diễn. Thống kê mô tả bao gồm thu thập dữ liệu và tóm tắt và giải thích chúng thông qua các kỹ thuật số và đồ thị. Thống kê suy diễn bao gồm lựa chọn và áp dụng các công cụ thống kê nhằm đưa ra các kết luận về tham số tổng thể. Các chủ đề bao gồm thống kê mô tả, tương quan và hồi quy đơn giản, xác suất, ước tính điểm và khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê.

Tin học đại cương là học phần 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống máy tính, các ứng dụng và các kỹ năng thực hành trên máy tính giúp sinh viên cải thiện hiệu quả làm việc cá nhân và hiệu suất kinh doanh. Cụ thể, học phần này giúp sinh viên học cách sử dụng Internet và e-mail, Windows, xử lý văn bản, bảng tính, cơ sở dữ liệu và các ứng dụng power point.

Pháp luật đại cương là học phần 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, nghiên cứu sâu hơn về Nhà nước và pháp luật Việt Nam, nhằm giúp học viên tiếp tục nghiên cứu các môn khoa học pháp luật khác trong Chương trình đào tạo.

Kinh tế học vi mô là học phần 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần Kinh tế học vi mô được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản và hợp lý nhưng vẫn bảo đảm tính hiện đại. Nội dung học phần này đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường, ... Học phần tiên quyết là Toán cho các nhà kinh tế.

Kinh tế học vĩ mô là học phần 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này nghiên cứu hành vi của nền kinh tế nói chung trong việc phân bổ nguồn lực khan hiếm để sản xuất hàng hoá, dịch vụ, nhằm tối đa hoá phúc lợi xã hội và đạt được các mục tiêu kinh tế. Các vấn đề kinh tế vĩ mô được tập trung nghiên cứu bao gồm các hoạt động kinh tế vĩ mô và các chính sách kinh tế (nền kinh tế hoạt động như thế nào và những chính sách kinh tế nào nên được thực hiện để đảm bảo nền kinh tế hoạt động tốt). Học phần tiên quyết là Kinh tế học vi mô.

Quản lý học là học phần 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên các khái niệm và nguyên tắc quản lý cơ bản để có được tư duy hệ thống về môi trường bên ngoài và bên trong tổ chức, các chức năng của quá trình quản lý bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Học

phần này nhấn mạnh các năng lực cốt lõi như: viết, thuyết trình, tự liên hệ bản thân, lập luận, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo. Đặc biệt, sinh viên sẽ trở nên nhạy bén cải thiện năng lực ra quyết định từ góc độ tổ chức.

Kỹ thuật soạn thảo văn bản là học phần 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức soạn thảo văn bản cơ bản và chuyên sâu, gắn liền với thực tế công việc của các nhà quản lý và chuyên gia trong lĩnh vực quản lý công và chính sách. Các văn bản sinh viên được hướng dẫn thực hành liên quan tới các loại hình văn bản sử dụng trong bối cảnh kinh doanh và quản lý công.

Truyền thông là học phần 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này cung cấp các kiến thức và kỹ năng tổng quan về truyền thông mà tất cả nhà quản lý và người lao động có thể sử dụng hiệu quả hơn tại nơi làm việc. Học phần này mang tính ứng dụng nhiều hơn là lý thuyết, đem lại cho người học các kỹ năng truyền thông hữu ích trong các tổ chức công cũng như các tổ chức nói chung.

Giáo dục thể chất là môn học gồm 4 học phần với 4 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Trong đó có 1 một học phần bắt buộc là học phần Lý thuyết chung và Thể dục tự do. Đối với 3 học phần còn lại, sinh viên có thể lựa chọn 3 trong số 10 học phần sau: bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, cờ vua, bơi lội, Karatedo, Teakwondo, Tennis. Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

Giáo dục quốc phòng - an ninh là môn học có 4 học phần với thời lượng 11 tín chỉ, bao gồm học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; học phần Công tác quốc phòng, an ninh; học phần Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; học phần Hiểu biết chung về quân, binh chủng. Mục tiêu của môn học này là giúp sinh viên có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.

Kinh tế lượng là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này áp dụng các kỹ thuật thống kê vào các mô hình kinh tế nhằm hiển thị các kết quả định lượng và để xác minh các định lý kinh tế. Học phần cũng giới thiệu cho sinh viên về lý thuyết và ứng dụng các phương pháp kinh tế lượng.

Nó bao gồm các công cụ cơ bản của ước lượng và suy luận trong bối cảnh của mô hình hồi quy tuyến tính, phương trình đơn, và chủ yếu đề cập đến các phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất. Học phần nhấn mạnh sự hiểu biết trực quan và ứng dụng thực tế của các công cụ phân tích hồi quy cơ bản này. Học phần tiên quyết là Toán cho các nhà kinh tế và học phần Xác suất thống kê.

Kinh tế công cộng là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong tất cả các nền kinh tế, hoạt động của khu vực công và tư nhân cùng tồn tại và tương tác với nhau. Chính phủ tác động đến hầu hết mọi thứ mà mọi người làm trong cuộc sống hàng ngày. Đôi khi sự can thiệp của chính phủ làm cho mọi thứ tốt hơn, đôi khi tồi tệ hơn. Học phần này sử dụng các công cụ phân tích kinh tế vi mô để nghiên cứu chính sách của chính phủ thông qua lăng kính kinh tế, hiệu quả và công bằng. Học phần tiên quyết là Kinh tế vi mô.

Nguyên lý kế toán là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần sẽ cung cấp kiến thức chuyên sâu về chu trình kế toán, tập trung vào quá trình điều chỉnh và khớp nối và lập báo cáo tài chính. Học phần sẽ tập trung vào các khoản phải thu, hàng tồn kho, giá vốn hàng bán, tài sản, nhà máy và thiết bị, nợ, vốn chủ sở hữu và tỷ số tài chính và kỹ thuật để diễn giải chất lượng thu nhập của các công ty đại chúng. Học phần được thiết kế để giúp sinh viên làm quen với các nguyên tắc cơ bản của kế toán tài chính. Mục tiêu học phần là cung cấp cho người dùng tiềm năng thông tin tài chính với sự hiểu biết về các nguyên tắc kế toán cơ bản. Để hoàn thành mục tiêu này, học phần tập trung vào phát triển các kỹ năng kỹ thuật để áp dụng các quy trình và quy tắc kế toán nhằm phát triển sự hiểu biết về cách các sự kiện kinh tế được ghi lại trong báo cáo tài chính. Ngoài ra, nó tập trung vào việc thuyết minh báo cáo tài chính. Do đó, học phần này sẽ phát triển kiến thức của sinh viên về cả việc chuẩn bị và sử dụng báo cáo tài chính khi chúng liên quan đến các lĩnh vực kế toán.

Tài chính công là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần tài chính công xem xét những chủ đề quan trọng trong tài chính công và chính sách công, đặc biệt là ngân sách và thuế. Học phần này sẽ nghiên cứu những vai trò của chính phủ trong nền kinh tế, ứng dụng những công cụ kinh tế vi mô cơ bản để trả lời những câu hỏi chính sách quan trọng như phản ứng của chính phủ đối với những vấn đề giáo dục, hàng hóa công cộng, kế hoạch ngân sách, định thuế suất cho cá nhân và doanh nghiệp. Học phần tiên quyết là Kinh tế vi mô.

Marketing trong khu vực công là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này nhằm mục đích đào tạo các nhà lãnh đạo tương lai về cách thức đẩy việc tạo lập giá trị doanh nghiệp và giá trị xã hội.

Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu biết sâu về cách áp dụng các nguyên tắc marketing để tạo ra lợi nhuận kinh doanh trong ngắn hạn và tạo ra thay đổi xã hội lâu dài thông qua các công cụ khác nhau của marketing công cộng, phi lợi nhuận và xã hội. Học phần sẽ tiếp cận theo hướng trình bày lý thuyết và thảo luận về các ví dụ thực tế.

Kinh tế quốc tế là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần tập trung phân tích những thách thức mà các nhà quản lý khu vực công và tư phải đối mặt trong hiện tại và tương lai, từ đó phát triển các kỹ năng cần thiết để đáp ứng những thách thức này. Học phần cũng tập trung vào các vấn đề đặc biệt trong kinh tế quốc tế bao gồm quản lý thông tin, quản lý thay đổi, giảm thiểu rủi ro và xung đột, và quản lý lợi ích công cộng sẽ được giải quyết trong bối cảnh xuyên quốc gia. Học phần được giảng dạy bằng cách sử dụng các bài giảng và các tình huống thảo luận, với sự tham gia chủ động, tích cực của sinh viên, đây là yếu tố chính tạo nên môi trường học tập có kết quả cao. Học phần tiên quyết là Kinh tế vĩ mô.

Kế toán chính phủ và tổ chức phi lợi nhuận là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này sẽ tập trung làm rõ điểm khác biệt giữa các đơn vị công lập và phi lợi nhuận với các doanh nghiệp; vai trò của kế toán chính phủ; một số vấn đề về dự toán và kiểm soát ngân sách; phương pháp ghi nhận các khoản doanh thu và chi tiêu trong kế toán chính phủ và tổng quan về chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các đơn vị hành chính sự nghiệp. Học phần tiên quyết là Nguyên lý kế toán.

Luật hành chính là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này liên quan đến việc kiểm soát việc lạm dụng quyền lực nhà nước, bằng cách đặt ra các chuẩn mực chung về quản lý hành chính nhà nước và hành vi hành chính của các cơ quan có thẩm quyền. Học phần Luật Hành chính cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất, phạm vi và chức năng của ngành luật này, bản chất và sự kiểm soát quyền ban hành văn bản dưới luật và các nguyên tắc chung của tổ tụng hành chính. Học phần đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của các tòa án trong sự phát triển của Luật hành chính. Ngoài ra, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan hành chính cũng được nghiên cứu cặn kẽ trong khuôn khổ môn học này.

Phương pháp nghiên cứu trong quản lý công là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu và ứng dụng trong quản lý công.

Hệ thống thông tin quản lý là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Thông qua học phần, sinh viên sẽ thấy tầm quan trọng

của hệ thống thông tin quản lý đối với thành công trong nghề nghiệp của họ bất kể lĩnh vực. Học phần giúp sinh viên đánh giá các loại hệ thống thông tin kinh doanh khác nhau hỗ trợ các hoạt động của các nhà quản lý trong doanh nghiệp và hỗ trợ các chiến lược kinh doanh khác nhau để có lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày nay. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng máy tính thực tế để giải quyết các vấn đề kinh doanh.

Nhập môn Quản lý công là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản và quy trình trong quản lý công. Học phần này sẽ giúp cho sinh viên hiểu biết về các vấn đề và thách thức khác nhau mà các quản lý công phải đối mặt trong quá trình công việc hàng ngày. Kết thúc học phần, sinh viên có được sự hiểu biết và kỹ năng đa dạng trong quản lý công, phát triển năng lực trí tuệ để đưa ra các giải pháp sáng tạo và mang tính xây dựng cho các vấn đề quan trọng của quản lý công.

Nhập môn Chính sách công là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần bao gồm những nội dung liên quan đến chính sách công: vấn đề chính sách công, nội dung chính sách công, quá trình chính sách công, quá trình mà các cơ quan nhà nước ban hành chính sách công. Học phần cũng giới thiệu quá trình thực thi chính sách công, đánh giá chính sách công và một số chính sách công cơ bản.

Phân tích chính sách công là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần cung cấp các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của phân tích chính sách. Tiếp cận phân tích chính sách như một nghề chuyên nghiệp với các nguyên tắc đạo đức, các bước phân tích chính sách tiêu chuẩn và giới thiệu các công cụ kinh tế cơ bản để phân tích chính sách. Học phần tiên quyết bao gồm Kinh tế vi mô và Nhập môn Chính sách công.

Quản lý chương trình và dự án công là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Quản lý chương trình và dự án công là một kỹ năng quan trọng được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực công. Học phần này sẽ giúp người học khám phá những thách thức phải đối mặt ngày của một nhà quản lý công. Học phần cũng sẽ cung cấp những kiến thức tổng quát về nhiều khía cạnh của chương trình công, quản lý dự án và môi trường quản lý dự án. Học phần sẽ đề cập đến bản chất cơ bản của việc quản lý một loạt các loại chương trình và dự án; cũng như cung cấp các kỹ năng cụ thể và hiểu biết cần thiết để áp dụng các cách thức độc đáo để quản lý các chương trình và dự án. Học phần tiên quyết là Quản lý học.

Quản lý tổ chức công và phi lợi nhuận là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các tổ chức công và phi lợi nhuận ngày càng có vai trò quan trọng trong phát triển xã hội của một quốc gia. Học phần này được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên một cái nhìn tổng quan về các tổ chức công và phi lợi nhuận và hoạt động quản lý trong các tổ chức công và phi lợi nhuận.

Quản lý nguồn nhân lực trong khu vực công là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này cung cấp các khái niệm, phương pháp, kỹ thuật cơ bản về các chức năng chủ yếu của quản lý nguồn nhân lực trong khu vực công. Những nội dung này sẽ cung cấp cho người học khung lý thuyết nền tảng để phân tích và vận dụng trong toàn bộ chương trình học.

Quản lý tài chính là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này nghiên cứu kiến thức và kỹ năng của quản lý tài chính được sử dụng trong doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nói riêng. Nội dung môn học sẽ xoay quanh những vấn đề cơ bản của quản lý tài chính doanh nghiệp trong việc ra quyết định đầu tư và quyết định nguồn tài trợ. Sinh viên sẽ được làm quen với các kỹ năng chính của tài chính doanh nghiệp như phân tích báo cáo tài chính công ty, đánh giá các luồng tiền tương lai, dự toán vốn đầu tư, tìm hiểu rủi ro và thu nhập, và xác định chi phí vốn và cơ cấu vốn. Học phần tiên quyết là Nguyên lý kế toán.

Đề án môn học là học phần 2 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Đây là học phần không giảng trên lớp học. Các sinh viên sau khi đã học xong các học phần bắt buộc thuộc kiến thức ngành sẽ lựa chọn các chủ đề khác nhau tùy theo mong muốn và lĩnh vực muốn chuyên sâu để viết bài luận nghiên cứu có độ dài từ 20 đến 25 trang và nộp vào cuối kì học.

Quản lý chiến lược trong các tổ chức công là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần sẽ cung cấp kiến thức về tầm quan trọng của quản lý chiến lược trong các tổ chức công. Học phần cũng sẽ đi sâu vào các yếu tố của kim tự tháp chiến lược trong khu vực công để xem xét việc thiết lập tầm nhìn, sắp xếp tầm nhìn này cho các phòng ban trong tổ chức, đưa ra các KPI để đo lường thành công, quyết định chính sách công và hợp tác với các đối tác để thực hiện chiến lược thông qua các sáng kiến. Học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về quản lý chiến lược và sự thay đổi của quản lý chiến lược trong chính phủ hay các tổ chức y tế và giáo dục. Học phần tiên quyết là Quản lý học.

Quản lý hệ thống giáo dục là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hệ thống giáo dục và quản lý giáo dục, giúp cho người học ra được những quyết định phù hợp trong lĩnh vực giáo dục. Học phần tiên quyết là Quản lý học.

Quản lý hệ thống y tế là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống y tế và quản lý hệ thống y tế trên thế giới và Việt Nam. Trong đó sinh viên phải đạt được các kiến thức về tài chính y tế, các chức năng cơ bản trong điều trị ngoại trú, nội trú, nguyên lý cơ bản trong vận hành bệnh viện. Bên cạnh đó là kiến thức về các giải pháp trong quản lý hệ thống y tế khi hướng dịch vụ đến một cộng đồng. Cuối cùng là kiến thức về phân tích chính sách y tế tại Việt Nam. Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghiên cứu độc lập từ việc lựa chọn chủ đề, tìm tài liệu, đọc, phân tích và tổng hợp tài liệu đến việc viết báo cáo, thuyết trình và sử dụng kết quả đầu ra để đóng góp/phản biện chính sách y tế. Học phần cũng đề cập đến quan điểm về đạo đức dưới góc độ là một lao động trực tiếp trong hệ thống y tế như bác sỹ, y tá, chuyên viên kỹ thuật, và góc độ nhà quản lý, người xây dựng. Học phần tiên quyết bao gồm Kinh tế học vĩ mô, Quản lý học, Nhập môn chính sách công.

Chính sách phúc lợi xã hội là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức thiết yếu về chính sách phúc lợi xã hội bao gồm những nội dung cơ bản về nhu cầu của con người; Những nguyên lý cơ bản của chính sách phúc lợi xã hội; Chính sách phúc lợi xã hội trong giải quyết các vấn đề nghèo đói và những nhu cầu thiết yếu của con người.

Chính sách môi trường là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về các vấn đề môi trường và chính sách môi trường. Các nội dung nghiên cứu chính trong học phần này bao gồm: Các vấn đề/ thách thức môi trường ở Việt Nam và trên thế giới; Các nội dung quản lý môi trường: quản lý chất thải và quản lý ô nhiễm, ứng phó với biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; Quy trình chính sách môi trường; Các công cụ chính sách trong xây dựng và đánh giá chính sách môi trường. Học phần tiên quyết bao gồm Kinh tế học vĩ mô, Quản lý học, Nhập môn chính sách công.

Phát triển kinh tế địa phương là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này cung cấp cho sinh viên các lý thuyết, nghiên cứu và thực hành về phát triển kinh tế địa phương. Cấu trúc

của học phần bao gồm mô hình hoạch định chiến lược, đi từ sự hiểu biết lý thuyết với bối cảnh địa phương, phân tích, hoạch định chính sách, chiến lược, lựa chọn dự án, thực hiện và đánh giá. Trong suốt học kỳ, chúng ta sẽ xem xét một số kỹ thuật phân tích cơ bản, chiến lược phát triển và công cụ phát triển kinh tế. Tuy nhiên, học phần này sẽ không cung cấp hướng dẫn một cách máy móc trong "làm thế nào để" phát triển kinh tế địa phương, vì một số lý do, những yếu tố tạo nên "phát triển kinh tế địa phương" là các yếu tố ngẫu nhiên về mặt lịch sử, kinh tế và địa lý. Học phần tiên quyết là Quản lý học, Kinh tế vĩ mô và Kinh tế vi mô.

Quản lý dịch vụ công là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản trong quản lý dịch vụ; Có được cách tiếp cận chiến lược, hệ thống, hội nhập và tình huống đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ nói chung, các tổ chức cung cấp dịch vụ công nói riêng; Xác định và phân tích được các yếu tố môi trường mà các nhà quản lý dịch vụ phải đối mặt trong công việc của họ; Hiểu và thực hiện được các chức năng cơ bản của quản lý dịch vụ như: quản lý cầu dịch vụ, quản lý nguồn lực cung cấp dịch vụ, quản lý chất lượng dịch vụ, định giá dịch vụ và tối đa hoá hiệu quả dịch vụ.

Đạo đức cho các nhà quản lý công là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này cung cấp kiến thức về đạo đức của các nhà quản lý trong khu vực công và khu vực phi lợi nhuận, các tình huống đạo đức, thuyết hậu quả đạo đức và thuyết về nghĩa vụ. Phần lớn thời gian khoá học sẽ cung cấp cho sinh viên kỹ năng giải quyết vấn đề trong những tình huống đạo đức khó khăn tại các tổ chức công cũng như những vấn đề lớn hơn trong nền văn hoá xã hội. Học phần tiên quyết là Quản lý học.

Tâm lý xã hội là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần tâm lý xã hội giới thiệu cho người học về ảnh hưởng của các quá trình xã hội đối với cách mọi người suy nghĩ, cảm nhận và hành xử. Thông qua các bài giảng, thảo luận và bài tập, sinh viên sẽ phát triển sự hiểu biết về cách các quá trình này hoạt động bằng sự hiện diện thực tế hoặc tưởng tượng của người khác và bắt đầu giải quyết các câu hỏi: Tại sao mọi người nghĩ, cảm nhận và hành động theo một số cách nhất định trong các tình huống cụ thể khác nhau? Làm thế nào mọi người có thể thay đổi hành vi của họ? Học phần sẽ đưa sinh viên đến nhiều lĩnh vực có liên quan trong tâm lý học xã hội và kinh tế học hành vi. Các chủ đề được đề cập sẽ bao gồm cách giúp sinh viên hiểu bản thân mình trong thế giới xã hội; hiểu được điều gì ảnh hưởng đến hành vi của con người; hiểu được tại sao con người làm những việc

chúng ta làm (cả việc tốt và việc xấu) và cách định kiến được tạo ra. Ngoài ra, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng tư duy phê phán trong suốt khóa học, đồng thời xây dựng kỹ năng đọc, thảo luận và thuyết trình.

Quản lý sự thay đổi là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần giới thiệu cho sinh viên về bản chất phức tạp và đa chiều của sự thay đổi trong tổ chức; Khám phá bối cảnh của sự thay đổi bằng cách xem xét các yếu tố bên ngoài và bên trong thúc đẩy hoặc tác động đến thay đổi; Tăng sự hiểu biết của sinh viên về các mô hình, phương pháp và phương pháp khác nhau về quản lý sự thay đổi; Xem xét các rào cản và thách thức liên quan đến việc thực hiện thay đổi tổ chức. Học phần tiên quyết là Quản lý học.

Lãnh đạo trong các tổ chức công và phi lợi nhuận là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này sẽ cung cấp tổng quan về các lý thuyết và mô hình lãnh đạo hiện hành, tập trung vào thực hành lãnh đạo trong các tổ chức công và tổ chức phi lợi nhuận. Trong khi các lý thuyết lãnh đạo nói chung áp dụng trong tất cả các lĩnh vực, lãnh đạo các tổ chức công và phi lợi nhuận. Học phần tiên quyết là Quản lý học.

Đàm phán là học phần 3 tín chỉ, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này cung cấp kiến thức và kỹ năng liên quan đến đàm phán trong quản lý. Các lý thuyết mới trong đàm phán, mô hình, kỹ thuật và chiến lược trong đàm phán cho các nhà quản lý sẽ được cung cấp cho sinh viên.

Tiếng Anh bổ trợ là môn học bổ trợ 33 tín chỉ, gồm 3 học phần là Tiếng Anh bổ trợ 1 với 12 tín chỉ, Tiếng Anh bổ trợ 2 với 12 tín chỉ và Tiếng Anh bổ trợ 3 với 9 tín chỉ. Học phần tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết, thuật ngữ và nguyên lý kinh tế cơ bản bằng tiếng Anh tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên học sâu hơn về kinh tế trong những giai đoạn tiếp theo. Cung cấp từ vựng về các chủ đề đa dạng các kỹ năng làm bài thi IELTS.

Kỹ năng học tập ở bậc đại học là học phần bổ trợ 2 tín chỉ. Học phần này cung cấp các kiến thức và kỹ năng thực tế học tập ở bậc đại học để có thể vận dụng trong học tập, nghiên cứu. Học phần này kết hợp cả lý thuyết và ứng dụng, làm rõ vai trò, vị trí và mục tiêu của sinh viên, cung cấp các công cụ học tập ở bậc đại học và rèn luyện kỹ năng học tập ở bậc đại học.

Kỹ năng làm việc theo nhóm là học phần bổ trợ 2 tín chỉ. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhóm, cấu thành nhóm và cách thức làm việc theo

nhóm hiệu quả. Từ đó giúp cho sinh viên có kỹ năng làm việc theo nhóm phục vụ cho học tập và công việc sau này.

Kỹ năng tư duy phản biện là học phần bổ trợ 2 tín chỉ. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư duy phản biện, các mô hình tư duy phản biện và thực hành vào học tập và công việc.

Kỹ năng quản lý bản thân là học phần bổ trợ 2 tín chỉ. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý hành vi, thói quen, nhận thức, tiềm thức và quá trình ra quyết định. Từ đó giúp cho sinh viên có kỹ năng hiểu rõ bản thân, quản lý bản thân tốt hơn cũng như học tập hiệu quả hơn.

Kỹ năng phân tích tình huống và giải quyết vấn đề là học phần bổ trợ 2 tín chỉ. Tư duy phản biện – áp dụng các phương pháp khoa học và suy luận lô gic – là nền tảng để giải quyết các vấn đề và ra quyết định. Học phần này sẽ hướng dẫn sinh viên tư duy phản biện để phân tích, tổng hợp và kiểm chứng cách thức giải quyết một số vấn đề đặt ra trong thực tiễn công việc sau này.

Kỹ năng giao tiếp là học phần bổ trợ 2 tín chỉ. Học phần này được thiết kế để trang bị cho sinh viên những kỹ năng giao tiếp căn bản, sử dụng trong môi trường học thuật và làm việc. Học phần tập trung làm rõ những nội dung cơ bản của giao tiếp truyền thông. Giao tiếp truyền thông là một chức năng cơ bản của quản lý trong các tổ chức/ doanh nghiệp, đồng thời đây cũng là một công cụ tạo động lực, duy trì mối quan hệ tốt đẹp trong nội bộ, khuyến khích tinh thần làm việc, ý tưởng sáng tạo của cá nhân các thành viên. Làm rõ quá trình truyền tải truyền thông từ xây dựng ý tưởng thông điệp, thiết lập kế hoạch truyền tải, kết nối các bộ phận khác nhau của một tổ chức/doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần còn nêu những hoạt động giao tiếp giữa các chủ thể trên thị trường và các cách thức truyền thông trong bối cảnh hiện nay.

Kỹ năng thuyết trình là học phần bổ trợ 2 tín chỉ. Học phần kỹ năng thuyết trình này được thiết kế để đào tạo sinh viên và cung cấp các kinh nghiệm cho sinh viên nhằm tạo ra các bài thuyết trình chính thức và bán chính thức trong môi trường làm việc chuyên nghiệp. Mục tiêu chính của khóa học là sử dụng tiếng Anh một cách thuần thục, phù hợp và tự tin trong thảo luận và thuyết trình; Giúp sinh viên nhận ra và sửa những lỗi thuyết trình thường gặp; Thực hành lập kế hoạch, tổ chức và thực hiện bài thuyết trình với các nhóm nhỏ; Dự đoán và phản hồi một cách phù hợp những câu hỏi và nhận xét của thính giả. Ngoài ra còn có một mục tiêu thứ yếu, đó là cung cấp cho sinh viên trải nghiệm làm khán thính giả, luyện tập kỹ năng ghi chú thích, đưa ra yêu cầu làm rõ và đưa ra các câu hỏi và nhận xét phù hợp.

Kỹ năng viết CV và trả lời phỏng vấn là học phần bổ trợ 2 tín chỉ. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về viết CV và trả lời phỏng vấn xin việc. Từ đó giúp sinh viên tăng khả năng xin việc ở những vị trí phù hợp ngay sau khi ra trường.

Tiếng Trung là môn học bổ trợ 7 tín chỉ, bao gồm 2 học phần là Tiếng Trung 1 với 3 tín chỉ và Tiếng Trung 2 với 4 tín chỉ. Học phần trang bị cho sinh viên lượng từ vựng phong phú và đa dạng, những thể loại câu cơ bản, mẫu câu, cấu trúc sử dụng trong văn viết và khẩu ngữ. Các bài khoá giảng dạy trong học phần có chủ đề gần gũi với môi trường học tập, cuộc sống hàng ngày và một số vấn đề kinh tế, quản lý, giúp sinh viên phát triển nhận thức về Hán ngữ và có khả năng vận dụng vào giao tiếp xã hội, học tập và nghiên cứu. Nội dung giảng dạy được thiết kế giúp sinh viên phát triển đồng đều cả 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết).

Luận văn là học phần không giảng trên lớp học. Các sinh viên sau khi đã học xong các học phần bắt buộc thuộc kiến thức ngành sẽ cần đi thực tập tại một tổ chức tùy chọn để viết báo cáo thực tập tổng hợp có độ dài tối thiểu 20 trang và chuyên đề thực tập tốt nghiệp có độ dài tối thiểu 40 trang và nộp vào cuối kì học.

IV. KHÁC BIỆT SO VỚI BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH PHIÊN BẢN 1 CÔNG BỐ NĂM 2017

Đây là Bản mô tả CTĐT cử nhân đại học Quản lý công và Chính sách bằng tiếng Anh phiên bản thứ 2 được điều chỉnh vào tháng 12 năm 2019. Bản mô tả CTĐT phiên bản 1 được xây dựng và công bố công khai vào tháng 2 năm 2017.

So với phiên bản năm 2017, phiên bản này có những khác biệt sau:

Thứ nhất, đã điều chỉnh mục tiêu, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chỉ rõ cấp độ của từng chuẩn đầu ra của Chương trình.

Thứ hai, về mặt tổng thời lượng Chương trình đào tạo cử nhân đại học Quản lý công và Chính sách bằng Tiếng Anh, phiên bản đầu tiên là 130 tín chỉ, phiên bản 2 là 131 tín chỉ. Cụ thể, phiên bản đầu tiên chỉ có 4 học phần lý luận chính trị với tổng số tín chỉ là 10, phiên bản 2 có 5 học phần lý luận chính trị với tổng số tín chỉ là 11.

Thứ ba, bổ sung sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo giúp cho sinh viên biết được lộ trình các môn học/học phần, từ đó sinh viên có sự chủ động trong việc chuẩn bị, lên kế hoạch cho việc học tập. Mặt khác, sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo cũng giúp giảng viên có một cái nhìn xuyên suốt CTĐT và biết được vị trí của môn học/học phần mà mình đảm nhiệm trong toàn bộ tiến trình đào tạo, từ đó có kế hoạch giảng dạy phù

hợp để phát huy những kiến thức cũ mà sinh viên đã được học và giúp sinh viên hình thành kiến thức mới.

Thứ tư, đã chỉ rõ ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của Chương trình.

Thứ năm, điều chỉnh mô tả các môn học/học phần và bổ sung thêm mô tả của các học phần bổ trợ.

Thứ sáu, dịch mục tiêu đào tạo sang tiếng Anh nhờ đó giúp cho không chỉ học sinh, sinh viên, nhà tuyển dụng Việt Nam biết tới mà học sinh, sinh viên và các nhà tuyển dụng quốc tế biết tới mục tiêu đào tạo của Chương trình.